

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:65/2018/DS-ST

Ngày:15-8-2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung

2. Ông Nguyễn Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:75/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:54/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Văn L1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn L2, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông L1, vắng mặt anh L2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có ý kiến như sau:

* Nguyên đơn ông Lê Văn L1 trình bày:

Ngày 28/6/2016, ông có cho anh Nguyễn Văn L2 vay số tiền 5.000.000đồng, thỏa thuận lãi 100.000đồng/1.000.000đồng/tháng, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận hai tháng sẽ trả lại nhưng đến hạn anh L2 không đóng lãi cũng không trả tiền vốn, ông đã nhiều lần đến nhà anh L2 yêu cầu anh L2 trả nợ nhưng anh L2 cố tình trốn tránh không gặp mặt và kéo dài đến nay không trả nợ cho ông. Nay ông yêu cầu anh Nguyễn Văn L2 trả cho ông số tiền vay

5.000.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu anh L2 trả tiền lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn L2 nhiều lần nhưng anh L2 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn L1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn L2. Ông L1 yêu cầu anh L2 trả số tiền vay 5.000.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông L1 không yêu cầu anh L2 trả tiền lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn L1 yêu cầu anh Nguyễn Văn L2 trả cho ông số tiền vay 5.000.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền là năm 2016 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn L2 có nơi cư trú tại ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Văn L1 yêu cầu anh Nguyễn Văn L2 trả số tiền vay 5.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn L1 và anh Nguyễn Văn L2 tuy không có thỏa thuận hợp đồng bằng văn bản nhưng anh L2 có làm biên nhận nợ ghi rõ số tiền vay và có ký tên nhận nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn L1

với anh Nguyễn Văn L2 là có thật. Tại biên nhận ngày 28/6/2016 anh L2 xác nhận có mượn của ông L1 số tiền 5.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nói rõ các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện cho anh L2 được biết và có văn bản nêu rõ ý kiến của mình nhưng anh L2 không có ý kiến, do vậy anh L2 phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L1.

[4] Về tiền lãi: Ông Lê Văn L1 không yêu cầu anh Nguyễn Văn L2 trả số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về phương thức trả nợ, thời hạn trả nợ: Ông Lê Văn L1 yêu cầu anh Nguyễn Văn L2 trả số tiền vay 5.000.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Văn L2 đã vi phạm hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và ông L1 đã nhiều lần yêu cầu anh L2 trả tiền vay nhưng anh L2 không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L1 nên việc ông L1 yêu cầu anh L2 trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn L1, anh Nguyễn Văn L2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L1.
 - Buộc anh Nguyễn Văn L2 trả cho ông Lê Văn L1 số tiền vay 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.
 - Kể từ ngày ông Lê Văn L1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn L2 chậm thi hành việc trả tiền thì anh L2 còn phải trả thêm số tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn L2 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê Văn L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn L1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 150.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19237 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Lê Văn L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn L2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương